

# NHÓM CỔ PHIẾU VỪA VÀ NHỎ HÚT TIỀN

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư có thể trải lệnh gia tăng thêm 1 phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số hoặc các mã cổ phiếu mục tiêu lùi về các mốc hỗ trợ gần.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275–1.288 điểm.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

# TCB

**MUA**

**↑ 10,04%**

**VND26.300**

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

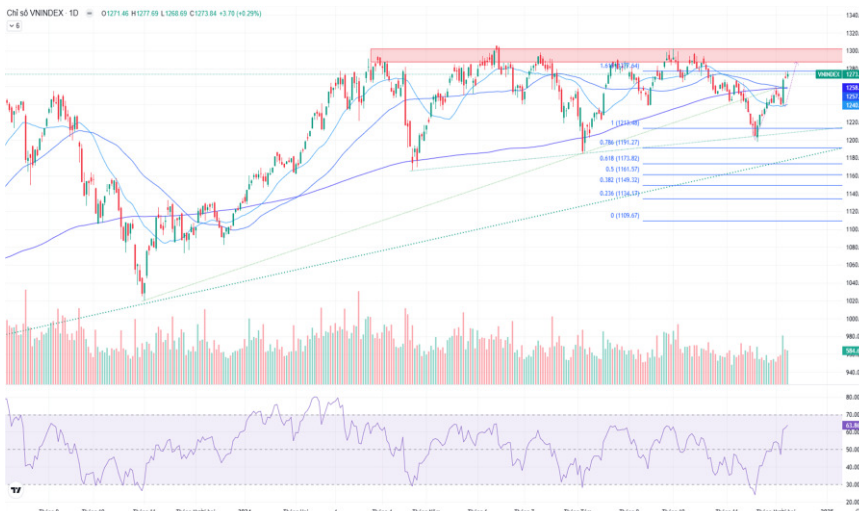
- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (9/12), với hai chỉ số S&P 500 và Nasdaq cùng tuột khỏi mức kỷ lục ghi nhận trong phiên trước đó.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Dòng tiền chưa đủ mạnh và sự thiếu đồng thuận chung của các cổ phiếu bluechip hay các nhóm cổ phiếu trụ cột, đã khiến chỉ số VN-Index khó tăng mạnh. Đáng chú ý, dòng tiền đầu cơ đang tập trung ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Với tin hiệu này, mặc dù áp lực rung lắc điều chỉnh có thể xuất hiện tại vùng kháng cự kế tiếp quanh 1.275–1.280 điểm nhưng VN-Index sẽ một lần nữa có cơ hội tiến lên thử thách lại vùng đỉnh trung hạn trong năm nay ở quanh ngưỡng 1.300 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	44.401,93	-0,54	17,81
S&P 500	6.052,85	-0,61	26,90
Nasdaq	19.736,69	-0,62	31,48
VIX	14,19	11,12	13,98
DAX	20.345,96	-0,19	21,46
FTSE 100	8.352,08	0,52	8,00
CAC40	7.480,14	0,72	-0,84
Hang Seng	21.070,05	3,21	23,60

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	63,86	BUY
MACD (12,26)	3,30	BUY
ADX (14)	17,86	BUY
SMA5	1.260,35	BUY
SMA20	1.240,04	BUY
SMA50	1.257,73	BUY
SMA100	1.256,77	BUY
SMA200	1.258,87	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Giá dầu thô tăng hơn 1 USD/thùng sau khi Trung Quốc tuyên bố sẽ tiếp tục triển khai các biện pháp chính sách tài khóa và tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.
- Bộ Chính trị Trung Quốc vừa công bố kế hoạch nới lỏng chính sách tiền tệ và mở rộng chi tiêu tài khóa cho năm 2025, đánh dấu sự thay đổi quan trọng nhất về định hướng tiền tệ của nước này kể từ năm 2011.
- Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 11/2024 ước đạt 5,3 tỷ USD, tăng 13,9% so với tháng 11/2023. Luỹ kế 11 tháng, tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 56,74 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2024 tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7%, cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn ngành.
- Theo số liệu từ NHNN, tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 7/12 đã tăng 12,5% so với cuối năm 2023. Trong khi đó cùng kỳ năm trước, tín dụng mới chỉ tăng trưởng khoảng 9%. Trong khi đó, huy động vốn đạt 14,8 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 7,36%. Trong những ngày cuối tháng 11 và đầu tháng 12, nhiều ngân hàng đã điều chỉnh tăng lãi suất huy động tại nhiều kỳ hạn như MB, VIB, MSB,...
- **BID:** NHNN đã chấp thuận cho BIDV tăng vốn điều lệ thêm 11.971 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Sau khi hoàn thành, vốn điều lệ ngân hàng dự kiến sẽ tăng từ 57.004 tỷ đồng lên 68.975 tỷ đồng.
- **GMD:** Theo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024 của CTCP Gemadept, nhà đầu tư đã thực hiện quyền mua gần 102,7 triệu cổ phiếu trên tổng số chào bán gần 103,5 triệu đơn vị, tương đương tỷ lệ thành công hơn 99%. Nhờ đợt chào bán thành công này, công ty sẽ sớm nâng vốn điều lệ dự kiến từ 3.105 tỷ đồng lên 4.140 tỷ đồng.
- **HVN:** Vietnam Airlines ấn định ngày đăng ký cuối cùng để tham dự đại hội là 26/12/2024, tức ngày giao dịch không hưởng quyền là 25/12/2024. Ngày tổ chức cuộc họp bất thường dự kiến diễn ra vào 21/01/2025. Động thái này được đưa ra ngay sau khi Vietnam Airlines nhận được sự chấp thuận từ Quốc hội về phương án tăng vốn thêm 22.000 tỷ đồng.
- **CTD:** HĐQT CTCP Xây dựng Coteccons vừa công bố nghị quyết thông qua việc thanh toán cổ tức năm 2024. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 10% bằng tiền (1.000 đồng/cp). Ngày đăng ký cuối cùng là 25/12, tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 24/12. Ngày thanh toán dự kiến là 14/1/2025. Hiện Coteccons đang có gần 100 triệu cổ phiếu đang lưu hành, do đó số tiền cổ tức dự chi vào khoảng 100 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.662,08	0,07	29,04
Dầu WTI	68,33	-0,06	-4,63
Dầu Brent	72,13	-0,01	-6,37
Than	133,75	0,38	-8,64
Đồng	9.232,00	1,20	7,86
Quặng sắt	106,62	-0,53	-22,69
Thép	490,00	1,03	-13,22

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,214	0,07	4,82
USD/JPY	151,39	-0,12	-6,84
USD/CNY	7,2634	-0,07	-2,25
EUR/USD	1,0546	-0,08	-4,47
GBP/USD	1,274	-0,08	0,07

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	667,47	147.000	-1,67
HPG	441,33	27.650	0,18
SSI	493,41	26.200	-0,57
MWG	269,32	61.100	0,00
DXG	305,50	18.000	1,69

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	532.640,40	95.300	1,17
BID	266.210,36	46.700	0,21
FPT	216.247,17	147.000	-1,67
CTG	195.736,20	36.450	0,55
HPG	176.856,32	27.650	0,18

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# TCB

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng giải ngân**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**MUA**
**24.150**
**26.300**
**10,04%**
**23.500-23.900**
**<22.700**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng, tổng lợi nhuận trước thuế 9 tháng vẫn đạt 22.842 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức lợi nhuận 9 tháng cao nhất mà Techcombank từng ghi nhận. Tại thời điểm 30/9/2024, tổng tài sản của Techcombank đạt 927.100 tỷ đồng, tăng 9% so với đầu năm. Tín dụng tăng trưởng 17%, đạt 622.100 tỷ đồng.
- Vị thế vốn của Techcombank vẫn được duy trì mạnh mẽ, với tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) là 82,2% tại 30.09.2024, dưới mức trần 85% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- TCB đang duy trì xu hướng tăng ngắn và trung hạn. Các chỉ báo kỹ thuật đang ủng hộ xu hướng tăng tiếp diễn của cổ phiếu. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân tăng đối với cổ phiếu TCB, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 23.500-23.900 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
<b>DTT (tỷ đ)</b>	40.527	40.061	11.754
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	25.568	22.888	7.214
<b>LNST (tỷ đ)</b>	20.436	18.191	5.793
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	178	181	0
<b>ROE (%)</b>	19,67	14,80	16,81
<b>ROA (%)</b>	3,18	2,33	2,64
<b>EPS (VNĐ)</b>	2.863	2.552	3.207
<b>P/E (lần)</b>	4,5	6,2	7,53
<b>P/B (lần)</b>	0,81	0,86	1,19

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	<b>62,70</b>	<b>BUY</b>	
<b>MACD (12,26)</b>	<b>0,14</b>	<b>BUY</b>	
<b>ADX (14)</b>	<b>18,11</b>	<b>NEUTRAL</b>	
<b>SMA5</b>	<b>23.920</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA20</b>	<b>23.340</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA50</b>	<b>23.780</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA100</b>	<b>23.200</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA200</b>	<b>22.930</b>	<b>BUY</b>	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			3,54%
2	STB	Nắm giữ	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30			7,94%
3	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			2,70%
4	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			4,03%
5	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			4,34%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
6	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
7	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
8	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
9	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
10	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
11	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
12	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
13	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
14	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
15	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày 30/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-(-13%-18%)
Chốt lời 2(50%)	21-22	-(-18-37%)
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Cá thể DCA +/- 61-62)	
Cắt lỗ	Điểm 59	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-(-13%-14%)
Chốt lời 2(50%)	Năm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.4	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2(50%)	25.5-26	-(-13%-14%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)